

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 02 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Lộc

Bà Phạm Thị Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 376/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1. Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài P – Trưởng phòng kinh doanh khách hàng Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã V; địa chỉ: Số D đường N, khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Nhuận Thanh B năm 1970 (vắng mặt)

Bà Phùng Thị V, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, Ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2023 (BL01-02) của nguyên đơn Ngân hàng N1 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài P trình bày: Ngày 12/03/2021, Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V với ông Trần Nhuận Thanh B1 kết Hợp đồng tín

dụng số 7606-LAV-202100222 Theo Hợp đồng, Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V, Sóc Trăng cho ông Trần Nhuận T Bang số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Nuôi tôm. suất vay 1 năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 8 tháng Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Trần Nhuận Thanh B2 và Bà Phùng Thị V đã tự nguyện giao cho Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản) như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 512917, có diện tích 10.587 m² (loại đất: đất trồng lúa), thửa số 621; tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là UBND thị xã V) cấp cho ông Trần Nhuận Thanh B2 ngày 30/12/2008.

Tính đến hết ngày 27/02/2024, tổng nợ của ông Trần Nhuận Thanh B2 tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Ngân hàng N1 Chi nhánh thị xã V là: 265.695.890 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.235.616 đồng. Nợ lãi quá hạn: 17.460.274 đồng.

Nay Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Nhuận T Bang và Bà Phùng Thị V phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N1 toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 27/02/2024 là 265.695.890 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.235.616 đồng. Nợ lãi quá hạn: 17.460.274 đồng và buộc ông Trần Nhuận Thanh B2 và Bà Phùng Thị V phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-202100222 ngày 12/3/2021, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 28/02/2024 cho đến ngày thực tế ông Trần Nhuận Thanh B3 Phùng Thị V trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bị đơn biết và Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ các bị đơn hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho các bị đơn biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các bị đơn cũng đã được Tòa án triệu tập hợp

lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho các bị đơn ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B2 và bà V theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng N1 có ký Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-202100222 ngày 12/3/2021 với bên vay ông Trần Nhuận Thanh B2, mục đích vay để nuôi tôm phục vụ gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông B2 và bà V trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B2 và bà V có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng N1 với các bị đơn ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2024) với tổng số tiền 265.695.890 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.235.616 đồng. Nợ lãi quá hạn: 17.460.274 đồng.

[4.1] *Xét Hợp đồng tín dụng số LAV-202100222 ngày 12/3/2021 Hội đồng xét xử thấy:* Theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 12/3/2021 và giấy nhận nợ ông B2 nhận tiền vay của Ngân hàng là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 08 tháng, kể từ

ngày ký hợp đồng tín dụng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 10%/năm và lãi suất quá hạn là 15%/năm. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc ông B2 thực hiện trả nợ gốc và lãi, nhưng ông B2 vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, các đương sự thừa nhận không ai phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi tôm là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Mặc dù bà V không có ký vào Hợp đồng tín dụng, nhưng có ủy quyền để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B2 thế chấp cho Ngân hàng giữ làm niềm tin khi vay tiền và mục đích vay tiền về để nuôi tôm kiếm lời nhằm để phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình. Nên căn cứ theo khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1, buộc ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V cùng liên đới thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (27/02/2024) là 265.695.890 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 28/02/2024 cho đến khi trả hết nợ vay và các nghĩa vụ tương ứng khác.

[4.2] *Đối với nợ lãi*: Hợp đồng tín dụng số LAV-202100222 ngày 12/3/2021 có lãi suất thỏa thuận 10%/năm đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B2 vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B2 và bà V phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Hoài P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/02/2024 với số tiền là 265.695.890 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.235.616 đồng. Nợ lãi quá

hạn: 17.460.274 đồng và lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả hết nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bị đơn giao cho Ngân hàng giữ làm tin, nhưng các bị đơn cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng đang giữ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 28/02/2024) các bị đơn ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LAV-202100222 ngày 12/3/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7; khoản 2 Điều 8; Điều 10; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11- 01 - 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 đối với bị đơn ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V.

Buộc bị đơn ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng N1, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2024) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 200.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 48.235.616 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 17.460.274 đồng.

Tổng cộng: 265.695.890 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 28/02/2024) ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LAV-202100222 ngày 12/3/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trần Nhuận Thanh B2 và bà Phùng Thị V phải liên đới chịu án phí là 13.284.795 đồng (mười ba triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng N1 không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.355.342 đồng (sáu triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000332, ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng